

**Phụ lục**  
**BỘ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP HUYỆN**  
**THÁNG 02/ NĂM 2024**

**1. Thông tin chung:**

STT	Nội dung	Cơ quan cung cấp thông tin
1	Tên địa phương	<b>UBND xã Đại Lãnh</b>
2	Số lượng dân số	Chi cục thống kê
3	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động	Chi cục thống kê
4	Số lượng hộ gia đình	Phòng Văn hóa và Thông tin
5	Số lượng xã và tương đương	Phòng Nội vụ
6	Số lượng thôn, xóm và tương đương	Phòng Nội vụ
7	Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc	Phòng Nội vụ
8	Số lượng CBCC cấp huyện	Phòng Nội vụ
9	Số lượng viên chức cấp huyện	Phòng Nội vụ
10	Số lượng CBCC cấp xã	Phòng Nội vụ
11	Số lượng công chức chuyên trách CNTT/ATTT, chuyển đổi số cấp huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin; Văn phòng HĐND và UBND
12	Số lượng công chức chuyên trách CNTT/ATTT, chuyển đổi số cấp xã	<b>01 người</b>
13	Số lượng công chức, viên chức kiêm nhiệm CNTT/ATTT, chuyển đổi số cấp huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin
14	Số lượng công chức kiêm nhiệm CNTT/ATTT, chuyển đổi số cấp xã	<b>01 người</b>
15	Số lượng máy chủ vật lý	Văn phòng HĐND và UBND
16	Số lượng máy trạm (của UBND, phòng ban, xã, thị trấn, trường học)	Phòng Văn hóa và Thông tin
17	Số lượng hệ thống thông tin	Văn phòng HĐND và UBND
18	Số lượng doanh nghiệp thuộc địa bàn quản lý	Phòng Tài chính - Kế hoạch (có file các DN theo thẩm quyền quản lý)
19	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn quản lý	Phòng Tài chính - Kế hoạch (có file các DN theo thẩm quyền quản lý)
20	Số lượng điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn	<b>01 địa điểm</b>
21	Tổng chi Ngân sách nhà nước trong năm	Phòng Tài chính - Kế hoạch
22	Số lượng DVC	Văn phòng HĐND & UBND
23	Số lượng DVCTT toàn trình	Phòng Văn hóa và Thông tin
24	Số lượng DVCTT một phần	Phòng Văn hóa và Thông tin
25	Đầu mối liên hệ (Họ và tên, bộ phận công tác)	Phòng Văn hóa và Thông tin
26	Số điện thoại	Phòng Văn hóa và Thông tin

## 2. Bảng chỉ tiêu chi tiết

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
	<b>Tổng cộng</b>		<b>760</b>				
<b>1</b>	<b>Nhận thức số</b>		<b>50</b>				
1.1	Người đứng đầu huyện/thị xã/thành phố là trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số của huyện/thị xã/thành phố	- Trưởng ban là người đứng đầu địa phương: Điểm tối đa - Trưởng ban không phải là người đứng đầu địa phương: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
1.2	Số cuộc họp, hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu huyện/thị xã/thành phố chủ trì	- Đủ 04 cuộc họp trong năm: Điểm tối đa - Số cuộc họp/4 * điểm tối đa	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND và UBND		
1.3	Người đứng đầu huyện/thị xã/thành phố là thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, tham dự các buổi họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh	- Tham dự đầy đủ: Điểm tối đa - Tham dự không đầy đủ: 0 điểm	10	Văn phòng HĐND và UBND			
1.4	Tổ chức các hội thảo, hội nghị cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã về chuyển đổi số	- Có tổ chức hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số trong năm: Điểm tối đa - Không tổ chức: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn		
1.5	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn huyện/thị xã/thành phố. Lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Phòng Nội vụ	Phòng Văn hóa và Thông tin		
<b>2</b>	<b>Thế chế số</b>		<b>50</b>				

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
2.1	Nghị quyết, chỉ thị chuyên đề của huyện ủy/Thị ủy/Thành ủy về chuyển đổi số	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>		Văn phòng Huyện ủy			
2.2	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án về chuyển đổi số địa phương giai đoạn 05 năm	- Đã ban hành theo đúng nội dung, thời gian quy định: <i>Điểm tối đa</i> - Ban hành trễ không quá 10 ngày: $\frac{1}{2}$ * <i>điểm tối đa</i> - Ban hành trễ quá 10 ngày hoặc không ban hành: <i>0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
2.3	Kế hoạch, chương trình hoặc đề án hàng năm về chuyển đổi số	- Đã ban hành theo đúng nội dung, thời gian quy định: <i>Điểm tối đa</i> - Ban hành trễ không quá 05 ngày: $\frac{1}{2}$ * <i>điểm tối đa</i> - Ban hành trễ quá 05 ngày hoặc không ban hành: <i>0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
2.4	Ban hành văn bản đơn đốc các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số	- Đã ban hành kịp thời: <i>Điểm tối đa</i> - Chưa ban hành: <i>0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
2.5	Báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng biểu mẫu về tình hình, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số (hàng tháng)	- Báo cáo đầy đủ, kịp thời: <i>Điểm tối đa</i> - Đầy đủ nhưng chưa kịp thời: $50\%$ <i>điểm</i> - Kịp thời nhưng chưa đầy đủ: $Tỷ lệ$ * <i>điểm tối đa</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn	<b>Hàng tháng UBND xã báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số về</b>	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
		- Chưa đầy đủ, chưa kịp thời: 0 điểm				<b>Phòng Văn hoá thông tin</b>	
<b>3</b>	<b>Hạ tầng số, dữ liệu số</b>		<b>80</b>				
3.1	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính hoặc điện thoại thông minh	<p><math>a =</math> Số lượng hộ gia đình có máy tính hoặc điện thoại thông minh</p> <p><math>b =</math> Tổng số hộ gia đình của huyện/thị xã/thành phố</p> <p>- Tỷ lệ <math>= a/b</math></p> <p>- Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa</p>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
3.2	UBND huyện/thị xã/thành phố đã kết nối với Mạng TSLCD cấp II	<p>- Có thực hiện: Điểm tối đa</p> <p>- Không thực hiện: 0 điểm</p>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND và UBND		
3.3	Số lượng UBND cấp xã đã kết nối với Mạng TSLCD cấp II	Tỷ lệ * Điểm tối đa	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	<b>Hiện nay xã đã kết nối với mạng TSLCD cấp II (hệ thống trực tuyến)</b>	
3.4	Kế hoạch chuyển đổi IPv6 của huyện/thị xã/thành phố	<p>- Có thực hiện: Điểm tối đa</p> <p>- Không thực hiện: 0 điểm</p>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
3.5	Ứng dụng IPv6 trên hạ tầng, mạng lưới dịch vụ của CQNN trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố	<p>- Có thực hiện: Điểm tối đa</p> <p>- Không thực hiện: 0 điểm</p>	10	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã,	<b>Hiện nay nhà mạng đã cài đặt ứng dụng IPv6 trên hạ tầng, mạng lưới dịch vụ của</b>	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
					thị trấn	<b>CQNN</b>	
3.6	Có triển khai giải pháp đảm bảo mật, an toàn thông tin cho hệ thống mạng nội bộ cơ quan	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>	10	Văn phòng HĐND và UBND			
3.7	Ban hành kế hoạch dữ liệu của huyện/thị xã/thành phố	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
3.8	Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu của huyện/thị xã/thành phố (thuộc huyện/thị xã/thành phố quản lý)	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp		
<b>4</b>	<b>Nhân lực số</b>		<b>85</b>				
4.1	Công chức chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số cấp huyện	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không: <i>0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND và UBND		
4.2	Trình độ nhân lực chuyên trách CNTT, chuyển đổi số cấp huyện	- Thạc sĩ CNTT: <i>Điểm tối đa</i> ; - Đại học CNTT: $\frac{1}{2} * \text{điểm tối đa}$ - Khác: <i>0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND			
4.3	Công chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng (không tính công chức tại mục 4.1) có trình độ từ cao đẳng CNTT/ATTT trở lên	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không: <i>0 điểm</i>	5	Văn phòng HĐND và UBND	Phòng Văn hóa và Thông tin		
4.4	Công chức, viên chức chuyên trách/kiêm nhiệm CNTT/ATTTT tham gia các buổi họp,	- Tham dự đầy đủ, đúng thành phần: <i>Điểm tối đa</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
	hội thảo, hội nghị chuyên đề về CNTT, chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức	- Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ * điểm tối đa - Không tham dự, tham dự không đúng thành phần: 0 điểm		tin, Văn phòng HĐND và UBND			
4.5	Chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho CBCCV trong năm	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường		
4.6	Chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn về kỹ năng sử dụng và khai thác các dịch vụ công trực tuyến, các dữ liệu mở cho người dân và doanh nghiệp	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, phường		
4.7	Tỷ lệ CBCCV được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin trong năm	- 100%: điểm tối đa - Dưới 100%: Tỷ lệ * điểm tối đa	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
4.8	Tỷ lệ người dân được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin	Tỷ lệ * Điểm tối đa	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn		
4.9	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã, thôn, xóm và tổ chức triển khai các hoạt động trong năm	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	<b>Trong tháng đã ban hành văn bản triển khai các hoạt</b>	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
						<b>động của Tổ công nghệ số cộng đồng</b>	
<b>5</b>	<b>An toàn, an ninh mạng</b>		<b>80</b>				
5.1	Số lượng máy chủ cài đặt phòng, chống mã độc	- 100% được cài đặt: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 100%: <i>Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10	Văn phòng HỘND và UBND			
5.2	Số lượng máy trạm được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền	- 100% được cài đặt: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 100%: <i>Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp	UBND các xã, thị trấn, trường học	<b>Hiện các máy tính của xã được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền</b>	
5.3	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	- 100%: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 100%: <i>Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10	Văn phòng HỘND và UBND			
5.4	Triển khai công tác an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin theo mô hình 04 lớp	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không: <i>0 điểm</i>	10	Văn phòng HỘND và UBND			
5.5	Phát hiện và xử lý sự cố (tự phát hiện hoặc nhận được cảnh báo) trong năm	- Không xảy ra sự cố: <i>Điểm tối đa</i> - Có xảy ra sự cố: <i>50% điểm</i> : + Báo cáo ngay (không quá 02 ngày) sự việc cho lãnh đạo cơ quan và chuyển văn bản cho cơ quan chuyên môn (Sở Thông tin và Truyền thông): <i>25% điểm</i> . + Thực hiện theo	10	Văn phòng HỘND và UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn	<b>Trong tháng đã ban hành và triển khai các văn bản cảnh báo sự cố thông tin mạng, kết quả trong tháng địa phương không xảy ra sự cố</b>	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
		<i>đúng quy trình về đảm bảo an toàn thông tin: 25% điểm</i> <i>- Có xảy ra sự cố, không thực hiện các bước trên: 0 điểm</i>					
5.6	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan về an toàn, an ninh thông tin cho các CBCCVN ngay khi nhận thông tin (không quá 03 ngày)	<i>- Phổ biến kịp thời: Điểm tối đa</i> <i>- Chưa kịp thời: 0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
5.7	Tham dự lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hành, diễn tập tác chiến về an toàn, an ninh thông tin	<i>- Tham dự đầy đủ, đúng thành phần: Điểm tối đa</i> <i>- Tham dự không đầy đủ, không đúng thành phần: 0 điểm</i>	10	Văn phòng HĐND và UBND			
5.8	Tỷ lệ CBCCVN được đào tạo về kỹ năng ATTT	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
<b>6</b>	<b><i>Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số</i></b>		<b>40</b>				
6.1	Có chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện/thị xã/thành phố	<i>- Có chuyên mục: Điểm tối đa</i> <i>- Không có chuyên mục: 0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND và UBND		
6.2	Chuyên mục Chuyển đổi số cập nhật đầy đủ văn bản của Chính phủ, tỉnh, địa phương về Chuyển đổi số	<i>- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa.</i> <i>- Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm</i>	5	Phòng Văn hóa và Thông tin			



TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
6.3	Có các tài liệu tuyên truyền (quyển, tờ rơi, video clip) về Chuyển đổi số, chính quyền số, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	5	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn	<b>Trong tháng địa phương đã tổ chức tuyên truyền (văn bản và tin bài) về Chuyển đổi số, chính quyền số, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước trên trang thông tin, phần mềm quản lý văn bản, nhóm Zalo cơ quan và lồng ghép tại các cuộc họp giao ban</b>	
6.4	Hệ thống đài truyền thanh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Có: điểm tối đa. - Không: 0 điểm.	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung tâm VH-TT-TT, UBND các xã, thị trấn	<b>Hệ thống đài truyền thanh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>	
6.5	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	- Tần suất phát sóng từ 1 lần/1 tuần: Điểm tối đa - Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần/12	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	<b>Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng</b>	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
		<i>tháng: ½ * điểm tối đa</i> <i>- Tần suất phát sóng dưới 1 tháng/1 lần: 0 điểm</i>				<b>về chuyển đổi số 01 tuần/ lần</b>	
<b>7</b>	<b>Chính quyền số</b>		<b>165</b>				
7.1	<i>Hội nghị truyền hình trực tuyến</i>						
	Tỷ lệ cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình giữa UBND huyện/thị xã/thành phố với UBND cấp xã thực hiện trong năm/Tổng số cuộc họp thực hiện với cấp xã trong năm	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Văn phòng HĐND và UBND	UBND các xã, thị trấn	<b>Trong tháng chưa có cuộc họp qua hệ thống hội nghị truyền hình giữa UBND huyện với UBND cấp xã</b>	
7.2	<i>Thư điện tử</i>						
	Tỷ lệ CBCCVN đã được cấp hộp thư điện tử có sử dụng thường xuyên trong công việc /Tổng số CBCCVN có hộp thư	<i>- 100% sử dụng: Điểm tối đa</i> <i>- Dưới 100%: Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn	<b>Địa phương có 08/08 cán bộ, công chức đã được cấp hộp thư điện tử có sử dụng thường xuyên trong công việc</b>	
7.3	<i>Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành</i>						
	Văn bản đi/đến được tham mưu, xét duyệt trên phần mềm	<i>- 100%: điểm tối đa</i> <i>- Dưới 100%: 0 điểm</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị	<b>Tất cả văn bản đi, đến của địa phương</b>	

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
						đều được tham mưu xét duyệt trên phần mềm	
7.4	Chữ ký điện tử, chữ ký số						
	Văn bản đi có đầy đủ chữ ký số	- 100%: Điểm tối đa - Dưới 100%: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, UBND các xã, thị trấn	Tất cả văn bản đi của địa phương đều có đầy đủ chữ ký số. Trừ trường hợp Chữ ký số lãnh đạo chưa được cấp.	
7.5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)		40				
7.5.1	Rà soát, cung cấp đầy đủ DVC trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định	- Cung cấp đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Cung cấp chưa đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	(10)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn	UBND xã đã thực hiện triển khai, niêm yết đầy đủ DVC trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định	
7.5.2	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT trực tuyến một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ (trực tuyến và trực tiếp)	- Tỷ lệ = $(c+d)/(a+b)$ - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	(10)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn		
	- Tổng số DVCTT mức 3 (một phần) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) (a)						

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
	- Tổng số DVCTT mức 4 (toàn trình) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) (b)						
	- Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (c)						
	- Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (d)						
7.5.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến Tổng số hồ sơ giải quyết DVC (gồm cả 4 mức độ) trong năm (a) Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 3 (một phần) (b) Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 4 (toàn trình) (c)	- Tỷ lệ = (b+c)/a - Điểm: + Tỷ lệ $\geq 80\%$ : Điểm tối đa + Tỷ lệ $< 80\%$ : Tỷ lệ/80% * Điểm tối đa	(10)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn		
7.5.5	Triển khai các giải pháp để nâng cao tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	(10)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn		
7.6	<i>Bưu chính công ích</i>		20				
7.6.1	Tỷ lệ DVC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI trên tổng số DVC đăng ký thực hiện BCCI	Tỷ lệ * Điểm tối đa	(10)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn		
7.6.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI trên tổng số hồ sơ DVC phát sinh trong năm	Tỷ lệ * Điểm tối đa	(10)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn		
7.7	<i>Cổng/Trang Thông tin điện tử (TTĐT)</i>		30				
7.7.1	Cập nhật thông tin về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và đơn vị trực thuộc	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan liên quan		

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
				cập nhật khi có sự thay đổi			
7.7.2	Cập nhật các thông tin theo quy định như: Thông tin chỉ đạo điều hành; lịch làm việc; số điện thoại liên hệ... thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm VH-TT-TT	Các cơ quan liên quan		
7.7.3	Chiến lược, định hướng, quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển KTXH, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng; thông tin dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm VH-TT-TT	Các cơ quan liên quan		
7.7.4	Giao diện thân thiện, dễ nhìn, dễ tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản; có chuyên mục DVC và liên kết đến Cổng DVC tỉnh	- Có chức năng đầy đủ: Điểm tối đa - Không đầy đủ: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Phòng Văn hoá và Thông tin, Phòng Nội vụ		
7.7.5	Chuyên mục Hỏi – Đáp	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan liên quan		

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
				huyện			
7.7.6	Thường xuyên cập nhật tin, bài hoạt động của cơ quan (bình quân 15 tin, bài/tháng)	- Cập nhật đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Cập nhật không đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm VH-TT-TT	Các cơ quan liên quan		
7.8	Ứng dụng chuyên ngành		35				
7.8.1	CSDL, HTTT được kết nối qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	- Đã kết nối: Điểm tối đa - Chưa kết nối: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp		
7.8.2	CSDL, HTTT đã kết nối qua IOC của tỉnh	- Đã kết nối: Điểm tối đa - Chưa kết nối: 0 điểm	(5)	Văn phòng HĐND và UBND huyện	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp		
7.8.3	Số lượng CSDL, HTTT đã ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng	Tỷ lệ * điểm tối đa	(5)	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp		
7.8.4	Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức	- Đã sử dụng: Điểm tối đa - Chưa sử dụng: 0 điểm	(5)	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp		

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
7.8.5	Sử dụng nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	- Đã sử dụng: Điểm tối đa - Chưa sử dụng: 0 điểm	(5)	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp		
7.8.6	<i>Hoạt động kiểm tra thông qua môi trường số</i>						
	Tỷ lệ cơ quan có chức năng quản lý nhà nước thuộc, trực thuộc huyện/thị xã/thành phố thực hiện hoạt động kiểm tra thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	- Số hoạt động kiểm tra trong năm (a) - Số hoạt động kiểm tra thực hiện thông qua môi trường số (b) - Tỷ lệ: a/b - Điểm: Tỷ lệ * Điểm tối đa	(10)	Phòng Văn hoá và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn		
<b>8</b>	<b>Kinh tế số</b>		<b>40</b>				
8.1	Nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy (huyện ủy/thị ủy/thành ủy) có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Văn phòng Huyện ủy			
8.2	Có chương trình, đề án, kế hoạch của huyện/thị xã/thành phố hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi số, phát triển kinh doanh số	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Các cơ quan liên quan			
8.3	Tuyên truyền, thúc đẩy, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nền tảng số	- Đã triển khai: Điểm tối đa. - Chưa triển khai: 0 điểm.	10	Phòng Văn hóa và Thông tin			
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp nền tảng số, công nghệ số trên địa bàn huyện/Tổng	Tỷ lệ * Điểm tối đa	10	Phòng TC - KH			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
	số doanh nghiệp trên địa bàn						
<b>9</b>	<b>Xã hội số</b>		<b>120</b>				
9.1	Nghị quyết, chỉ thị, chiến lược của cấp ủy (huyện ủy/thị ủy/thành ủy) có nội dung, nhiệm vụ cụ thể về xã hội số, chuyển đổi số cho người dân	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Văn phòng Huyện ủy			
9.2	Có chương trình, đề án, kế hoạch của huyện/thị xã/thành phố hỗ trợ phát triển xã hội số	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Các cơ quan liên quan			
9.3	Có cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các cơ quan chuyên môn		
9.4	Điểm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân về chuyển đổi số và công nghệ số	- Có thực hiện: Điểm tối đa - Không thực hiện: 0 điểm	10	Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Nội vụ	UBND các xã, thị trấn	<b>Trong tháng UBND xã không có phản ánh, thắc mắc của người dân về chuyển đổi số và công nghệ số</b>	
9.5	Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố có sử dụng Internet/Tổng số hộ gia đình	Tỷ lệ * Điểm tối đa	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn thống kê	<b>Có 90%</b>	
9.6	Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố có địa chỉ số/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn tỉnh	Tỷ lệ * Điểm tối đa	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn		
9.7	Tỷ lệ cơ sở y tế từ cấp xã trở lên có kết nối hồ	Tỷ lệ * Điểm tối đa	10	Phòng y tế	Trung tâm y tế		



TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
	trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa/Tổng số cơ sở y tế từ cấp xã trở lên				huyện Vạn Ninh		
9.8	Tỷ lệ nông dân được tập huấn, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp và cách thức quảng bá, bán sản phẩm trên mạng/Tổng số nông dân trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa và Thông tin, Hội Nông dân		
9.9	Tỷ lệ số hợp tác xã nông nghiệp có hoạt động thương mại điện tử, ứng dụng nông nghiệp thông minh/Tổng số hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa và Thông tin, Hội Nông dân		
9.10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập/Tổng số cơ sở giáo dục trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Phòng giáo dục và Đào tạo	Các trường học trên địa bàn huyện	<b>Có 02/02 trường</b>	
9.11	Tỷ lệ người dân được tập huấn, phổ biến kiến thức về bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng/Tổng số người dân trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn	<b>Định danh điện tử</b>	
9.12	Tỷ lệ các chợ trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt/Tổng số chợ trên địa bàn	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10	Phòng Kinh tế	BQL chợ		
<b>10</b>	<b>Chi ngân sách nhà nước</b>		<b>50</b>				
10.1	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>		Phòng Tài chính – Kế hoạch			
10.2	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền	- Từ 1% trở lên: <i>điểm tối đa</i>	10	Phòng Tài			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/Số liệu (từ ngày 11/01/24 đến hết ngày 06/02/24)	Ghi chú (Gửi kèm theo văn bản, tài liệu minh chứng)
	số trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	<i>- Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa</i>		chính – Kế hoạch			
10.3	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho kinh tế số (như hỗ trợ phát triển hạ tầng, phát triển các lĩnh vực kinh tế số, ...) trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	<i>- Từ 1% trở lên: điểm tối đa - Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10	Phòng Tài chính – Kế hoạch			
10.4	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho xã hội số trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	<i>- Từ 1% trở lên: điểm tối đa - Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10	Phòng Tài chính – Kế hoạch			
10.5	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho an toàn thông tin mạng trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	<i>- Từ 1% trở lên: điểm tối đa - Dưới 1%: Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10	Phòng Tài chính – Kế hoạch			